

Hòa giải và phục hồi sau chiến tranh Quan điểm của Phật giáo

John M. Scorsine (*)

Lê Chu Bảo Ngọc dịch

Đó là niềm tin của tôi rằng trong khi thế kỷ XX là một thế kỷ của chiến tranh và đau khổ không kể xiết, thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của hòa bình và đối thoại. Những tiến bộ tiếp tục trong công nghệ thông tin làm cho thế giới của chúng ta trở thành một ngôi làng toàn cầu thực sự, tôi

(*) John M. Scorsine, Học viện kỹ thuật Rochester, B.S - Cử nhân khoa học (Tư pháp hình sự) năm 1980; Đại học Wyoming, J.D. - tiến sĩ Luật (Luật) năm 1984; Đại học Sunderland, M.A. – thạc sĩ xã hội & nhân văn (Phật học) năm 2009. Ông Scorsine là một luật sư hành nghề tại Hoa Kỳ, được cấp phép ở Colorado, Nebraska, Wyoming và được công nhận trước Tòa án quân đội phúc thẩm hình sự, Tòa phúc thẩm liên bang thứ 10 và Tòa án tối cao Mỹ. Ông từng là sĩ quan cảnh sát, luật sư bào chữa, công tố viên, thẩm phán, và sĩ quan quân đội. Năm 2012, ông về hưu như một trung tá trong đội dự bị của quân đội Mỹ, Thẩm phán quân pháp. Ông tốt nghiệp của U.S.M.C. - Trường quân đội thủy bộ liên bang Mỹ; Bộ Tư lệnh quân đội và Tham Mưu Cao Cấp, và trường không quân. Ông Scorsine cũng được tấn phong bộ trưởng Phật giáo trong hàng ngũ của Bộ trưởng Phật giáo quốc tế và phục vụ như là một tuyên úy trong Bộ quản giáo tư pháp Colorado.

tin rằng sẽ đến một lúc khi chiến tranh và xung đột vũ trang sẽ được coi là một phương pháp lạc hậu và lỗi thời để giải quyết sự khác biệt giữa các quốc gia và cộng đồng.

- Đức Đạt Lai Lạt Ma, 2002

Kể từ buổi bình minh, con người đã có kinh nghiệm tham gia các cuộc xung đột và bạo lực. Sự tồn tại của chúng ta đã được đánh dấu bởi các cuộc chiến tranh và xung đột. Các nhà thần học Kitô giáo, bắt đầu với Augustine Hippo, đã làm việc trong nhiều thế kỷ để định nghĩa nghịch lý của chiến tranh: đó là bạo lực và giết chóc có thể cần thiết để cứu mạng sống, giữ gìn hòa bình và cho phép sự phát triển của bất bạo động. Một số người có thể xem nghịch lý này có sự mâu thuẫn trong thuật ngữ: làm thế nào có thể có “chiến tranh vì chính nghĩa”?

Phật giáo thường được xem như là một tôn giáo và triết học của hòa bình và bất bạo động. Trong những tác phẩm ban đầu, nhà nghiên cứu này đi đến kết luận rằng là những hạt giống của học thuyết chiến tranh chính nghĩa Phật giáo có tồn tại và có sẵn để soạn thảo và đề ratrên phương diện triết học và học thuật. Tuy nhiên, lý thuyết về “Chiến tranh chính nghĩa” phải giải quyết công bằng và bạo lực trong ba giai đoạn: gây chiến (trước chiến tranh), trong chiến tranh, và sau chiến tranh. Giai đoạn cuối cùng của học thuyết chiến tranh vì chính nghĩa là công lý sau chiến tranh. Đây có lẽ là giai đoạn khó khăn nhất cho việc sử dụng công cụ này vì sức mạnh quốc gia và sự tập trung của việc nghiên cứu này.

Hướng tới quan điểm của Phật giáo về Chiến tranh chính nghĩa

Khả năng một cuộc chiến tranh chính nghĩa được tiến hành đã được công nhận bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tháng mười một năm 2005, Ngài ở Đại học Stanford. Trong trong một buổi đối thoại với vị Trưởng khoa Đời sống Tôn giáo tại trường đại học, Đức Đạt Lai Lạt Ma thừa nhận rằng bất bạo động cho phép tính mãnh liệt nếu hiện diện động lực thích đáng.”Ranh giới giữa bạo lực và bất bạo động không thể dựa trên cơ sở của vẻ bề ngoài. Ranh giới thực sự giữa bạo lực và bất bạo động chính là động lực. Tôi nghĩ rằng bạo lực và bất bạo động thực sự là -- bất kỳ hành động được thúc đẩy bởi một ý thức quan tâm, lòng từ bi, và đó là bản chất bất bạo động... phương pháp bạo lực chỉ là một

phương pháp. Để đạt được mục tiêu chân thật, chính đáng, một điều gì đó có lợi cho số lượng lớn cộng đồng và động lực là lòng từ bi và sự quan tâm, và sau đó giới hạn bạo lực ở mức chấp nhận được. Có thể có chiến tranh chính nghĩa". (Tenzin Gyatso, trích dẫn ở Slate, 2005). Sau đó, ngài đã khẳng định quan điểm đó trong buổi phỏng vấn với chúng tôi.¹ (D.L.: 107-114) Ngài cũng tuyên bố điều này trong các diễn đàn khác.²

Tuy nhiên, rõ ràng là khi Đức Đạt Lai Lạt Ma đặt một cuộc chiến tranh vào vị trí được xem là hợp lý theo quan điểm tư tưởng Phật giáo, không phải là để nói rằng đó là một phương pháp ưa thích trong hành vi của Phật giáo. "Thực tế ngày nay... toàn thế giới đã trở thành như một gia đình, gần như một cơ thể. Vì vậy, sự hủy diệt của một số khu vực khác trên thế giới thực sự là sự hủy diệt của chính bản thân mình. Do đó, theo thực tế mới này, bạo lực tàn phá khủng khiếp này mà chúng ta gọi là chiến tranh, tôi nghĩ rằng chiến tranh là lỗi thời... rất khó để biện minh. (Tenzin Gyatso, như trích dẫn ở Slate, 2005)

Khi xem xét chiến tranh chính nghĩa được bắt đầu tương phản trong bối cảnh triết học Phật giáo, bản tham khảo đầu tiên mà dường như bề ngoài là một trích dẫn từ một bộ sưu tập các tác phẩm được gọi là Phúc Âm của Đức Phật.

Tathagara (Như Lai) đã ưng thuận, Simha tiếp tục: "Con là một người lính, Bạch đức Thế Tôn, và đức vua bổ nhiệm con thực thi pháp

1. Bài thuyết trình này, trong một số phần trọng yếu, được rút ra sau buổi phỏng vấn được thực hiện bởi tác giả với Samdhong Rinpoche và Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14. Khi tham chiếu trong bài diễn thuyết, buổi phỏng vấn được xác định là S.R. hoặc D.L., theo thứ tự tương ứng là số dòng liên quan. (ví dụ: S.R.: 23) Buổi phỏng vấn với Samdhong Rinpoche diễn ra vào ngày 28 tháng 1 năm 2008 tại Dharamsala, Ấn Độ, tại văn phòng của Kalon Tripa. Buổi phỏng vấn được tiến hành riêng tư giữa Kalon Tripa và John Scorsine. Buổi cuộc phỏng vấn với Đức Đạt Lai Lạt Ma diễn ra vào ngày 27 tháng 3 năm 2008 tại New Delhi, Ấn Độ. Buổi phỏng vấn được thực hiện trong căn phòng ở tầng 7, nơi Đức Đạt Lai Lạt Ma ở, tại khách sạn Ashok và kéo dài khoảng một giờ. Hiện diện gồm có ngài Tenzin Gyatso (Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14), John M. Scorsine, là phụ tá và thông dịch viên của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Cả hai buổi phỏng vấn đều được ghi âm và chi chép đúng nguyên văn và được bảo quản điện tử.

2. Xem buổi phỏng vấn của Tenzin Gyatso, "CIA ở Tây Tạng" có tại <http://uk.youtube.com/watch?v=tOhDBo6x2ZY> vào khoảng 04:50.

luật của mình và để tiến hành chiến tranh. Liệu Như Lai, người dạy về lòng tốt, sự tử tế không có kết thúc và lòng từ bi với tất cả những người đang đau khổ, cho phép các hình phạt đối với tội phạm? Và hơn nữa, liệu Như Lai sẽ tuyên bố rằng đó là sai khi tiến hành chiến tranh để bảo vệ ngôi nhà của chúng con, vợ, con cái và tài sản của chúng con? Như Lai dạy giáo lý hoàn toàn là tự từ bỏ bản thân, vì vậy mà con phải chịu đựng những kẻ làm ác làm những gì họ muốn và phục tùng họ, những người đe dọa dùng bạo lực để lấy đi tất cả những gì là của riêng chúng con? Như Lai sẽ giữ cho tất cả các xung đột bao gồm cả chiến tranh được tiến hành vì một nguyên nhân chính đáng, nên bị cấm...

Thế Tôn nói tiếp: “ Như Lai dạy rằng tất cả các cuộc chiến tranh mà con người cố gắng để giết anh em của mình là đáng tiếc, nhưng ta không dạy rằng những người tiến hành chiến tranh với nguyên nhân chính đáng sau khi đã dùng hết tất cả các phương tiện để bảo vệ hòa bình là đáng chê trách. Con phải khiển trách ai là nguyên nhân của chiến tranh. Như Lai dạy từ bỏ hoàn toàn bản thân, nhưng ngài không dạy con đầu hàng bất cứ thế lực xấu ác, là người hay các thần linh hoặc các yếu tố của thiên nhiên. Cuộc đấu tranh có lẽ là, tất cả cuộc sống là những cuộc đấu tranh. Nhưng những gì con người đấu tranh nên nhìn rõ nó để cho những đấu tranh đừng vì lợi ích của bản thân chống lại sự thật và công bằng.

(Carus, 1917:147) Tiến sĩ Paul Carus là một sinh viên phương Tây đầu tiên của Phật giáo. Quyển Phúc Âm, xuất bản lần đầu vào năm 1894, theo Carus, là một bộ tài liệu của các bản dịch uyên bác. Việc biên soạn, tuy nhiên, hơi có vấn đề và đã không chịu đựng được sự khắc nghiệt của những phê bình có tính chất học thuật³.

3. Những khó khăn với sự tín nhiệm uyên thâm dựa theo đoạn này dường như là một "giải thích thêm". Tiến tới phiên bản năm 1917 của cầm nang, Carus cho rằng, "... nhiều đoạn, và thực sự là những đoạn quan trọng nhất, được chép từng chữ theo các bản dịch từ nguyên bản... chỉ có một vài bổ sung dựa hoàn toàn theo nguyên bản, trong đó, tuy nhiên, những sự thêm thắt có tính văn chương nhỏ không làm sai lệch so với học thuyết Phật giáo... những bổ sung và sửa đổi có thể không thu hẹp, nhưng ý tưởng mà nguyên mẫu có thể được tìm thấy trong truyền thống của Phật giáo, và đã được giới thiệu như là minh họa cho các nguyên tắc chính." (Carus, 1917: v) Khi mọi người sử dụng bảng tham chiếu của Tiến sĩ Carus đã tìm thấy trong phần cuối phiên bản năm 1917, những đoạn này được cho là "Giải thích bổ sung" mà người đọc được nhấn mạnh để đối chiếu với Những câu hỏi cho vua Milanda, trang 254-257.

Điều đó chỉ ra rằng, thông qua việc tuyên bố về quan điểm Phật giáo không thể hoàn toàn xem nhẹ. Samdhong Rinpoche tin rằng điều này xuất phát từ tiếng Pali Canons và có thể biểu lộ tiến trình chung của sự trao đổi về chiến tranh -- nhưng chắc chắn điều đó không xuất phát từ kinh điển Đại thừa (SR:253 -284) Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã được yêu cầu nhận xét và chỉ ra rằng đây có khả năng là sự trình bày lại theo cảm nhận chung. "Đúng đó là cảm nhận chung" là nhận xét của Đức Đa Lai Lama, mặc dù ngài đã nhanh chóng thêm rằng, "Nhưng chúng ta không bao giờ sử dụng những từ này như là một biện minh cho bạo lực." (DL: 303-361) Tuy nhiên, có một bản dịch gần đây của một bộ kinh Đại thừa có thể thêm vào niềm tin mới đối với công trình trước đó của Tiến sĩ Carus. Kinh đó là Arya - satyaka - parivarta (Kinh Đại Bát Niết Bàn) và điều này sẽ được thảo luận thêm trong bài viết này. Bản kinh đã được tham chiếu bởi Samdhong Rinpoche trong và sau khi kết thúc buổi phỏng vấn tháng 1 năm 2008. (S.R.: 50 - 63)

Bản kinh gần đây đã được Lozang Jamspal dịch, khi ông bắt đầu nghiên cứu của mình về Kinh Đại Bát Niết Bàn như một phần nghiên cứu tiến sĩ của mình tại Đại học Columbia. Ông đã xuất bản luận án của mình về bản kinh vào năm 1991, nhưng chỉ gần đây mới dịch trọn vẹn toàn bộ bản kinh để xuất bản. Bản kinh được Jamspal nhận định ngay từ đầu là bản kinh Đại thừa trung phẩm. Ông tin rằng nó đã được biên dịch từ bản gốc tiếng Phạn vào thế kỷ thứ hai trước Công nguyên, mặc dù văn bản gốc đã bị mất từ lâu theo thời gian. Bản dịch tiếng Tây Tạng là vào thế kỷ thứ 9 công nguyên. Tiêu đề được dịch sang tiếng Anh là "Bản luận Giáo lý Đại Thừa cao quý, sự hé lộ các hành động chuyển hóa thông qua phương tiện thiện xảo của hàng Bồ Tát". (Jamspal, 1991:1-3)

Khi mọi người kiểm chứng bản đối thoại đó, dường như không có cơ sở vững chắc cho là nền tảng của bản văn khi Carus đơn thuần giải thích hoặc tìm thấy nguồn gốc là đoạn "cấm nang" đặc biệt. Thay vào đó, có thể thấy rằng đoạn này là của chính tác giả Carus. Do đó, lý do mà Carus là dịch giả và học giả mang lại tiếng xấu ngày nay. Đại diện mang tiếng xấu đó là những lời bình luận của tỳ kheo Ajahn Punnadhammo, hiện trụ trì tại Arrow River Forest Hermitage ở Canada. Không ít trích dẫn đã được tham chiếu trong các tác phẩm bởi các tác giả và các học giả khác nhau. Tỳ kheo K. Sri Dhammananda trích dẫn trong bài viết của mình, "Một Phật tử có thể tham gia quân đội không?", và điều này xuất hiện trong cuốn sách của ông, "Phật tử tin vào cái gì".

Arya - satyaka - parivarta - Kinh Đại Bát Niết Bàn dường như là bản kinh thảo luận rõ ràng và tập trung nhất về đạo đức chiến tranh trong tư tưởng Phật giáo, mặc dù vô cùng ngắn gọn. Tuy nhiên, có một số nguồn khác mà từ đó, học thuyết Phật giáo về Chiến tranh chính nghĩa có thể được bắt nguồn.

Samdhong Rinpoche đã nghiên cứu một số trong các nguồn này. Ông khám phá những khía cạnh khác nhau của tư tưởng xã hội và chính trị vào năm 1977 khi viết cho Tạp chí Tây Tạng. (Rinpoche: 1999). Nghiên cứu của ngài tập trung phân tích các kinh Dasa - Cakra - ksti - garbhanama - Mahayana Sutra⁴ (Kinh thập địa - Kinh mật giáo - Kinh Địa tạng - Kinh đại thừa).

Kinh được cho là bao gồm mười “thừa”. Các thừa thứ năm và thứ sáu xuất hiện nhằm chứng thực quan điểm của thỏa thuận xã hội tồn tại giữa chủ thể và đối tượng của mình.

Trong các thừa thứ năm và thứ sáu Đức Phật nói rằng chính quyền cần bảo vệ các thành phố, thị trấn và làng mạc bằng các hàng rào mạnh, được theo dõi, quan sát bởi các lực lượng hùng mạnh không loại trừ ngay cả những nhà quan sát động vật, người có thể được trả công cho mục đích này. Các phương pháp phòng thủ được sử dụng để tránh những kẻ thù của đất nước là tiếng nói về trí tuệ và sự sắc sảo chính trị. Sự khác biệt của thừa thứ năm và thứ sáu là thừa thứ năm nhấn mạnh các biện pháp bảo vệ tài sản của người đồng hương và du khách, trong khi thừa thứ sáu nói về quốc phòng của cả quốc gia.

(Rinpoche, 1999: 278) Thừa thứ bảy tập trung vào vai trò của nhà nước trong quốc phòng. Nó thúc đẩy thận trọng cảnh giác trong việc duy trì quan sát lãnh thổ của đất nước để đảm bảo biên giới và các cơ sở hạ tầng. Điểm này tiếp tục thảo luận về nhiệm vụ của nhà nước trong trường hợp thiên tai hoặc xâm lược. Kinh bao gồm các thảo luận về biện pháp khắc phục hậu quả và việc sử dụng công cụ khác

4. Bản kinh này đặc biệt tương tự như những phân tích bởi Jamspal, dẫn đến mọi người đều tin rằng cùng một bản kinh. Tuy nhiên, cái tên Rinpoche đặt cho bản kinh không so sánh với bất kỳ một trong ba tên mà Jamspal cho là Arya-satyaka-parivarta - Kinh đại bát niết bàn. Xem, Jamspal, 1991:3. Cho dù đây là những bản kinh riêng biệt hay các phiên bản khác nhau của cùng một bộ kinh, các bài bình luận của Rinpoche vẫn rất quan trọng.

của sức mạnh quốc gia –tình báo. (Rinpoche, 1999: 278)

Điều thú vị là, các tác phẩm Phật giáo viết về việc giải quyết chiến tranh, cũng phát triển vấn đề bằng cách khám phá ba thời kỳ. (Satyaka 6:71 ; Rinpoche, 1999:277). Những điều này tương ứng với các giai đoạn của học thuyết chiến tranh chính nghĩa --gây chiến (trước chiến tranh), trong chiến tranh, và sau chiến tranh.

Phật giáo và sau chiến tranh

Bắt đầu với Kinh Đại bát niết bàn Arya - satyaka - parivarta có vẻ là một cách tiếp cận Phật giáo thích hợp để xây dựng hòa bình và phục hồi sau xung đột.Sự khôi phục lại của một quốc gia bị đánh bại và cơ sở hạ tầng, thể chất, kinh tế, xã hội học và chính trị là nghĩa vụ của người chiến thắng.Các khái niệm về sau chiến tranh là phần khó khăn nhất của học thuyết chiến tranh chính nghĩa và kém phát triển nhất. Cựu Ngoại trưởng Colin Powell đã gọi điều này là “Luật Pottery Barn: Bạn làm bể nó, bạn sở hữu nó”⁵. Điều này có thể được gọi rõ ràng hơn là “hòa bình chính đáng”. Điều này đã được xác định là “có lẽ là vấn đề khó khăn nhất gây ra bởi chiến tranh hiện đại”. (Johnson, 1999:191)

Kinh Đại bát niết bàn Arya - satyaka - parivarta hướng dẫn vừa đủ làm thế nào để chấm dứt chiến sự.Kinh đề cập với các nhà lãnh đạo công bằng cần xem kẻ thù của mình được tạo ra bởi chính nguyên nhân của họ. Đặc biệt, trong kinh khuyến cáo rằng “Xem kẻ thù của mình là đã được tạo ra bởi nguyên nhân của chính mình, một người cầm quyền phải xua tan những nguyên nhân của tình trạng thù địch và nên trở thành bạn bè ngay cả với kẻ thù của mình... “. (6 Satyaka 73) Các mục tiêu và mục đích của Ủy ban kiến tạo hoà bình của Liên Hợp Quốc về nhà cầm quyền công bình có vẻ ăn khớp vào nhiệm vụ của bản kinh này.

Sự thiếu quan tâm đến hậu quả của chiến tranh là đặc trưng trong các cuộc thảo luận về chiến tranh chính nghĩa.Luôn luôn thiếu sự quan tâm thích đáng về khía cạnh sau chiến tranh của học thuyết Chiến tranh chính nghĩa.Sau khi chiến tranh kết thúc và các hiệp ước

5. Pottery Barn là một doanh nghiệp trang trí nhà bán lẻ Mỹ với nhiều địa điểm trên toàn quốc.Các kệ hàng chứa các mặt hàng dễ vỡ.

đình chiến đã được ký kết, các lý lẽ biện minh về sự cần thiết của vũ trang quân sự không còn hiện diện nữa... không có chiến tranh, không thể có sự cần thiết về quân sự. Điều này được mặc nhiên công nhận các khái niệm bao quát của công lý trong giai đoạn sau chiến tranh sẽ được tạo hình sau khi phục hồi nhân quyền. (Williams, 2006: 309)

Đức Đạt Lai La Ma cũng đồng tình.

Sau khi bạo lực chấm dứt, như mọi người đã đề cập, các quốc gia bị đánh bại sẽ thương tổn và bị hư hại nghiêm trọng. Bây giờ người chiến thắng có trách nhiệm đạo đức hỗ trợ và phục hồi chất lượng cuộc sống của của quốc gia bị đánh bại. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Kế hoạch Marshall đã làm điều đó. Đồng minh, châu Âu và Hoa Kỳ, xây dựng lại Đức. Kết quả là, ngày hôm nay, nói chung tôi không tìm thấy bất kỳ sự thù hận hay giận dữ về phía Hoa Kỳ trong tâm trí cộng đồng của họ. Tương tự, là trường hợp với Nhật Bản. Tôi đã thực sự hỏi một số người bạn của tôi ở Nhật Bản, “Có nhiều người Nhật Bản, những người vẫn có cảm giác tiêu cực đối với Hoa Kỳ vì vũ khí hạt nhân được sử dụng trên đất nước họ?” Không ai chỉ ra rằng họ còn nuôi dưỡng ác ý hoặc cảm giác tiêu cực. Trong cả hai trường hợp này, mặc dù có chiến tranh và hủy diệt, sau khi chiến tranh kết thúc không có phân biệt đối xử, không có hận thù, chỉ có sự quan tâm về con người và mong muốn đến để giúp họ xây dựng một quốc gia. Bây giờ, ngày nay, Đức, cụ thể Tây Đức trước đây, nền kinh tế, giáo dục, tất cả mọi thứ, tốt hơn nhiều. Đông Đức, không nhận được sự quan tâm chú ý tương tự, vẫn còn lạc hậu. Bắc Triều Tiên - đau khổ khủng khiếp, sự tàn phá dữ dội, và vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay. Nhưng Nam Triều Tiên, không chỉ an toàn, mà còn phát triển hơn nữa... Và Nhật Bản, tôi nghĩ rằng với hiến pháp mới. Mỹ giúp Nhật Bản, Đức sau chiến tranh. Vì vậy, tôi nghĩ rằng sau khi chiến thắng, tôi nghĩ rằng trách nhiệm đạo đức của người chiến thắng là để giúp đỡ người bị đánh bại. Giúp đỡ cũng rất quan trọng để loại bỏ sự bất bình của họ.

(DL: 383-407) Trong suốt buổi thảo luận này, Đức Đạt Lai Lạt Ma nhấn mạnh sự cần thiết phải loại bỏ những nguyên nhân tạo ra những xung đột trong trước tiên.

Cần phải loại bỏ những ác ý và thù địch vốn có trên thế giới là một

trọng tâm theo tư tưởng của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Đức Đạt Lai Lạt Ma: Tôi cảm thấy thay vì sử dụng vũ lực, chúng ta nên liên hệ gần gũi hơn và hỗ trợ - một phần của ngân sách quân sự nên được chi tiêu cho giáo dục, bồi dưỡng và xây dựng trường học và bệnh viện và phục hồi nền kinh tế. Giáo dục người dân Iraq với nền giáo dục hiện đại hơn. Tôi nghĩ rằng kết quả sẽ tốt hơn nhiều. Đó cũng là một giải pháp lâu dài cho việc loại bỏ chủ nghĩa khủng bố. Đó là cảm giác của tôi.

John Scorsine: Hãy nói đến những nguyên nhân của khủng bố.

Đức Đạt Lai Lạt Ma: Vâng. Khủng bố xuất phát từ lòng thù hận. Cách duy nhất để loại bỏ hận thù là thông qua các hành động với lòng từ bi. Hãy giúp đỡ họ. Cung cấp cho họ giáo dục. Mang lại cho họ nền kinh tế. Và thỉnh thoảng tiếp cận với một số phê bình chỉ trích, cũng tốt, những phê bình có tính chất xây dựng. Đó là cách để giảm bớt sự thù hận. Và chỉ có cách đó để loại bỏ chủ nghĩa khủng bố. Hoặc, tất nhiên, ông có thể sử dụng vũ lực. Giết một vài cá nhân khủng bố trong cộng đồng giữa những người bạn của họ và cộng đồng của họ sẽ phản ứng chống lại bạn.

John Scorsine: Nó tạo thành vòng tuần hoàn.

Đức Đạt Lai Lạt Ma: Vì vậy, tôi thường bày tỏ ngày nay với Bin Laden. Nếu ông ta bị xử lý sai lầm, sau này sẽ có mười Bin Laden. Sau đó là hàng trăm Bin Laden.

(DL:124 -140) Do đó, có thể thấy rằng trở lại với việc xung đột vũ trang là có thể tránh được, thành công trong việc tái thiết quan hệ với kẻ thù cũ là tối quan trọng. Đây dường như là bài học sau thế chiến thứ nhất và thế chiến thứ hai.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức bị chinh phục bởi người chiến thắng. Đất nước bị rơi vào cảnh nghèo đói. Về cơ bản, Hiệp ước Versailles với các yêu cầu bồi thường thiệt hại nặng nề và tịch thu lãnh thổ đã gieo những hạt giống cho tăng trưởng của Đức quốc xã, sự nhiệt tình ái quốc, và cuối cùng là nguyên nhân của Thế chiến II. Rõ ràng có thể lập luận rằng việc thiếu công bằng sau chiến tranh là yếu

tổ gây nên Thế chiến II.

Quá trình tiến triển các nguyên tắc của Hòa Bình chính đáng

Như một cơ quan liên chính phủ hỗ trợ các nỗ lực hòa bình ở các quốc gia đang nổi lên từ các xung đột, Ủy ban Hòa bình có trách nhiệm loại bỏ các nguyên nhân gốc rễ dẫn đến xung đột, để cho vòng tuần hoàn của chiến tranh, chiến thắng và chiến tranh có thể bị phá vỡ. Vai trò của họ trong việc kiến tạo hòa bình và tổ chức đối thoại và mang lại nguồn lực hoàn toàn phù hợp với huấn thị trong bản kinh về việc xóa bỏ những nguyên nhân của tình trạng thù địch.

Những gì xảy ra sau chiến tranh, cũng quan trọng - có lẽ quan trọng hơn - hơn những ý định và động cơ được sở hữu bởi chính phủ dự tính dùng chiến tranh như một công cụ của quyền lực và chính sách quốc gia. Hầu hết các học giả nghiên cứu các khái niệm về Chiến tranh chính nghĩa, quan điểm về xung đột vũ trang qua hai lăng kính - tại sao chiến tranh được tiến hành và tiến hành như thế nào. Các hoạt động sau chiến tranh nên được hướng dẫn bởi cả hai khía cạnh đối tượng pháp lý và đạo đức. Giới pháp lý xuất phát từ công ước Geneva thứ tư và Công ước Hague IV năm 1907.

Là Phật tử, rõ ràng là chúng ta nên dành năng lượng và nghiên cứu những gì tạo nên một nền hòa bình chính đáng. Đây là một lĩnh vực của cuộc điều tra mà không có sự chú trọng thích hợp của những giải thích mang tính lịch sử cũng như hiện đại của lý thuyết chiến tranh chính nghĩa.

Các nguyên tắc của một nền hòa bình chính đáng phải nhất thiết, bắt đầu với cuộc chiến tranh **được tiến hành như thế nào**. Trong ngữ cảnh của **Kinh đại bát niết bàn** Arya - satyaka - parivarta, những **khái niệm này tồn tại khắp nơi**.

Candapradhyota: O Brahmin, một người trị vì công bằng nên bảo vệ chúng sinh và môi trường xung quanh như thế nào?

Satyavadin: Thừa Bệ hạ, một người trị vì phải bảo vệ chúng sinh bằng cách không đốt cháy hoặc phá hoại môi trường xung quanh, v.v. Một nhà lãnh đạo không nên trút cơn giận của mình lên các

thành phố, thôn làng, phá hoại các hồ chứa, phá hoại nơi cư ngụ, cắt giảm cây ăn quả, hoặc phá hủy mùa màng, v.v. Nói ngắn gọn, chúng ta không có quyền tiêu diệt bất kỳ những khu vực đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, khu vực đã được xây dựng, và những khu vực được mở rộng. Làm như thế nào? Đây là nguồn gốc của cuộc sống mà chúng sinh thường xuyên sử dụng, những người đã không phạm bất kỳ lỗi lầm nào.

(Jamspal, 1991:69) chiến tranh tiến hành theo cái cách mà nó cho phép cho sự thành công lớn hơn trong việc tái lập lại chiến trường.

Nếu một cuộc chiến tranh được tiến hành một cách bất công, người bị đánh bại sẽ không tin tưởng người chiến thắng. Công cụ mà chúng ta hiện đang sử dụng trong thời kỳ hậu chiến tranh - ủy ban sự thật, nhóm hòa giải, tòa án tội ác chiến tranh, v.v - sẽ được xem xét với sự nghi ngờ và theo kiểu như “công lý của người chiến thắng”, mà theo định nghĩa là bất cứ điều gì chỉ trừ công bằng. Hòa bình chính đáng, có lẽ, trong đó tái khẳng định và phục hồi hiệu lực nhân quyền của người bị đánh bại.

Tái xây dựng xã hội trong số đông dân phải cải cách nhanh chóng. Phải cần nhắc thực hiện các hình thức văn hóa và truyền thống của xã hội trong số dân bản địa. Người chiến thắng không thể chỉ đơn giản là áp đặt kết cấu xã hội mới và xa lạ vào quốc gia bị đánh bại. Ví dụ, hình thức cộng hòa dân chủ có thể phù hợp tại Hoa Kỳ, nhưng có thể không phù hợp với quyền cho một quốc gia có chủ quyền trước đây gồm các bộ lạc du mục.

Thêm nữa, giai đoạn sau chiến tranh có thể là khoảng thời gian dài nhất trong tuổi thọ của cuộc xung đột. Trong tái thiết, với sự đào tạo và thúc đẩy các liên doanh mới, sẽ có ba giai đoạn tiến bộ từng được đánh dấu bằng mức độ ngày càng tăng của quyền tự trị. Các giai đoạn đó là: giám hộ, cố vấn và chủ quyền.

Thời gian giám hộ sẽ được chứng minh bằng việc áp đặt các tổ chức dân sự tạm thời lên người dân bản địa. Giáo lý Phật giáo hướng dẫn các lực lượng chiếm đóng phải hành xử như một nhà lãnh đạo chân chính.

Candapradhyota: OBrahmin, hãy liệt kê những quan điểm mà người cai trị chân chính cần phải có trong khi đấu tranh để bảo vệ người dân.

Satyavadin:Thưa Bệ hạ, một người cai trị chân chính là người phẫn đấu cho sự bảo vệ nhân dân nên có tám ý niệm [Ông nên];

1. Xem các đối tượng của mình như là con của chính mình;
2. Xem người xấu xa như bệnh;
3. Nhìn những người đau khổ với lòng từ bi;
4. 4. Nhìn chúng sinh hạnh phúc với sự hoan hỷ;
5. Nhìn kẻ thù của mình được tạo ra bởi nguyên nhân của mình;
6. Xem bảo vệ cho bạn bè của mình;
7. Xem việc hữu ích của nhân tài như là diệu dược, và
8. Xem bản thân cũng như tha nhân.

(Satyaka 6:72, Jamsal, 1991) Theo nhiều cách, thời kỳ này người chiến thắng là cha mẹ hoặc người giám hộ của quốc gia đã bị đánh bại.

Sau thời gian giám hộ sẽ là trạng thái trung gian của sự hợp tác. Đây thực sự là thời kỳ tư vấn trong đó vai trò của người giám hộ trở thành người thầy đầu tiên và người cố vấn đáng tin cậy.

Tất nhiên, mục tiêu cuối cùng là việc thành lập các tổ chức chính phủ độc lập của dân bản địa và sự rút lui hoàn toàn của lực lượng chinh phục/ lực lượng chiếm đóng: sự trở lại chủ quyền.

Ba nguyên tắc của hòa bình chính đáng dường như là điều hiển nhiên đến thời điểm này, đó sẽ là mục tiêu đang diễn ra trong mỗi giai đoạn của tiến trình bình thường của xã hội bị đánh bại.

Nguyên tắc 1: Phục hồi về trật tự dân sự và các tổ chức

Hòa bình chính đáng, có lẽ một trong đó tái khẳng định và phục hồi nhân quyền của người bị đánh bại. Chắc chắn bên chiến thắng phải lập lại trật tự; trong thời kỳ xung đột vũ trang, cơ cấu xã hội của xã hội chắc chắn bị tổn thất. Toà án không còn chức năng, thậm chí luật lệ tồn tại từ có thể được đặt câu hỏi và không còn là một cơ sở tin cậy nữa. Khi không còn chế độ pháp trị trong xã hội, khoảng trống sẽ

được lấp đầy với các lựa chọn thay thế. Gần đây nhất chúng ta thấy những khoảng trống được lấp đầy với các điều luật “tôn giáo” gay gắt, thường được tạo ra từ trong chính người dân bị đánh bại với động cơ còn bàn cãi.

Đức Đạt Lai Lạt Ma nhấn mạnh rằng then chốt để thúc đẩy giáo dục và xây dựng trường học và bệnh viện trong khu vực đã được “bình định”.

Nguyên tắc 2: Phục hồi kinh tế

Sau đó, như Đức Đạt Lai Lạt Ma đã xác định quá trình tái thiết kinh tế phải được đề xướng. Tài liệu tham khảo có thể được thực hiện với các khác biệt đáng kể trong việc giải quyết nền kinh tế của đất nước bị đánh bại giữa Thế chiến I và Thế chiến II. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, nền kinh tế Đức đã bị cố ý và hủy hoại một cách có hệ thống và chính sách đã được thi hành để đảm bảo sự sụp đổ lâu dài của nó - gieo những hạt giống cho sự nổi lên của một nhà lãnh đạo có uy tín và sự tháo gỡ khối lượng lớn điều xấu xa. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ý tưởng tái kiến thiết được đưa vào cả hai nước Đức và Nhật Bản - với kết quả rất khác nhau và nền hòa bình gần 70 năm.

Nguyên tắc 3: Phục hồi chủ quyền

Không được giải quyết bởi ngài, nhưng chắc chắn một điều quan trọng, là để chuyển việc chinh phục từ lực lượng chiếm đóng vũ lực đến sự phát triển của một chính phủ dựa trên nhân quyền cơ bản là quyền tự quyết. Khôi phục chủ quyền là rất quan trọng nếu các quốc gia bị đánh bại lại tái gia nhập cộng đồng các quốc gia. Một số nơi, quyền kiểm soát phải được trả lại cho dân bản địa; quan chức được bầu phải thay thế các quan chức lâm thời, và, thiết lập lại chuẩn mực xã hội.

Kết luận

Suy nghĩ thông thường sẽ nhận thấy tiến hành chiến tranh là phản đề đối với tư tưởng Phật giáo. Nhưng, Phật giáo không chỉ đơn thuần là một bài tập lạc quan trong triết học. Nó có nguồn gốc từ việc thành lập một bộ luật luân lý của hành vi nằm trong thế giới thực: một thế

giới thực, mà tại thời điểm của Đức Phật, như ngày nay, tham gia một cuộc chiến mà cái xấu liên tục chống lại nhân đức. Nếu bản chất hòa bình của nhiều tư tưởng Phật giáo là chuỗi hành động duy nhất mà một người cai trị chân chính có thể theo đuổi, kẻ xấu sẽ nhanh chóng loại bỏ những người công chính. Phật giáo không yêu cầu tín đồ của mình bằng lòng cho phép hủy diệt chính mình.

Với động lực thích hợp, chiến tranh có thể là chính nghĩa. Khó khăn đối với những người trong chúng ta không có sự giác ngộ cao để theo đuổi cuộc chiến tranh với một động cơ thích hợp mà chỉ là tổ chức và phản ứng với thực tế khách quan. Tất cả xảy ra quá thường xuyên, chúng ta tự lừa dối mình là kết quả của vô minh, sự ham muốn quá nhiều, sự thù địch, tự cho mình là trung tâm và hoài nghi, cùng với năm phiền não của “tà kiến”. Chúng ta giải thích hành vi tự vệ của kẻ thù của chúng ta là hành động khiêu khích và là tiền đề cho các cuộc chiến tranh. Chúng ta lừa dối mình suy nghĩ rằng chỉ có quan điểm của chúng ta là chính xác nhất. Bởi vì con người bị trói buộc trong cuộc sống luân hồi, chúng ta không xác định được các khả năng nhận thức và kỹ năng để hiểu rõ sự thật tối thượng và thực tế.

Nhưng, có lẽ quan trọng hơn so với quá trình mà kết quả của việc bắt đầu chiến sự như thế nào, là chiến tranh có thể mang đến hòa bình và lâu dài. Phật giáo cung cấp khuôn khổ đạo đức và thực tiễn cho sự phát triển của một cơ thể tráng kiện nhằm nghiên cứu sự phát triển của hòa bình chính đáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các bài giảng và phỏng vấn

Gyatso, Tenzin (Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ XIV), một nhóm khán giả, ngày 18 tháng 9 năm 2003.

Gyatso, Tenzin, Peace, War & Reconciliation (Hòa bình, chiến tranh và hòa giải), 25th Mason Welch Gross Lecture, Đại học Rutgers, Hoa Kỳ, ngày 25 tháng 9 năm 2005.

Gyatso, Tenzin, phỏng vấn cá nhân, ngày 27 tháng 3 năm 2008.

Rinpoche, Samdhong (Kalon Tripa của Chính phủ Tây Tạng lưu vong), phỏng vấn cá nhân, ngày 28 tháng 1 năm 2008.

Sách, Luận, và các bài báo

- Aquinas, Thomas, năm 2002, *On Law, Morality and Politics*, 2nd(Luật pháp, đạo đức và chính trị, lần thứ hai, (Richard J. Regan, Trans.) Indianapolis, Hackett Publishing Company, Inc.
- Barttholomeusz, Tessa J., 2002, *In Defense of Dharma: Just War Ideology in Buddhist Sri Lanka*(Sự phòng thủ của Pháp: Tư tưởng chiến tranh chính nghĩa trong Phật giáo Sri Lanka), London, RoutledgeCurzon.
- Carus, Paul, năm 1917, *The Gospel of the Buddha* (Phúc Âm của Đức Phật), Chicago, Open Publishing Company.
- Carus, Paul, năm 1915, *The Teachings of the Buddha*(Giáo lý của Đức Phật), New York, St Martin Press.
- Dharmasiri, Gunapala, năm 1989, *Fundamentals of Buddhist Ethics* (Nguyên tắc cơ bản của đạo đức Phật giáo). Antioch (CA, USA), Golden Leaves.
- Geiger, Wilhelm, năm 2001, *The Māhāvamsa*(Đại sử), Oxford, Pali Text Society, (Māhāvamsa)
- Guthrie, Charles và Michael Quilan, năm 2007, *Just war – The just war tradition: Ethics in Modern Warfare* (Chiến tranh chính nghĩa - Truyền thống Chiến tranh chính nghĩa: Đạo đức trong chiến tranh hiện đại), New York, Walker & Company.
- Gyatso, Tenzin và Jean-Claude Carriere, năm 1994, *Violence and Compassion* (Bạo lực và lòng từ bi), New York, Doubleday.
- Gyatso, Tenzin, 2002, *The Pocket Dalai Lama*(Túi của Đức Đạt Lai Lạt Ma), biên tập bởi Mary Craig, Boston, Shambhala Publications.
- Jamspal, Lozang, năm 1991, *The Range of the Bodhisattva: A Study of an early Mahayana sutra, "Ārya-satyaka-parivarta"*, Discourse of the Truth Teller (Các hàng Bồ Tát: Nghiên cứu đầu tiên về kinh Đại thừa, "Đại bát niết bàn", bản luận của người nêu chân lý), New York, Đại học Columbia.
- Jamspal, Lozang, năm 2008, *Discourse of the Truth Teller* (bản luận của người nêu chân lý), <bản viết tay không xuất bản>, (Arya - satyaka - parivarta) (Đại bát niết bàn)
- Williams, Paul, năm 2004, *Aquinas Meets the Buddhists:*

Prolegomenon to an Authentically Thomas-ist Basis for Dialogue”, *Modern Theology* (Aquinas gặp các Phật tử: Lời giới thiệu đến người Thomas đích thực - Cơ sở Đối thoại”, Thần học hiện đại), Vol. 20, số 1, tr. 91-121.

Tài liệu tham khảo internet

AFP, “Dalai Lama Endorses Just Wars But Not in Case of Tibet” (“Đức Đạt Lai Lạt Ma ủng hộ chiến tranh chính nghĩa nhưng không phải trường hợp của Tây Tạng”), 4 tháng 11 năm 2005, lấy từ http://findarticles.com/p/articles/mi_kmaf/is_200511/ai_n15747964.

Gyatso, Tenzin, 2003, “His Holiness the Dalai Lama’s views on war and Iraq conflict” (“Quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma về chiến tranh và xung đột Iraq”), ngày 11 tháng 3 năm 2003, lấy từ <http://www.tibet.com/NewsRoom/iraq1.htm>.

Keown, Damien, A Response to ‘The Place for a Righteous War in Buddhism’ (“Đáp lại “Nơi dành cho chiến tranh chính đáng trong Phật giáo” bởi P.D. Premasiri”, lấy từ http://www.buddhistinformation.com/a_response_to_place_for_a_right_war.htm.

Premasiri, P.D. “The Place for a Righteous War in Buddhism” (“Nơi dành cho chiến tranh chính đáng trong Phật giáo”, lấy từ http://www.buddhistinformation.com/place_for_a_righteous_war_in_bud.htm.

Slate, Daniel, năm 2005, “The Dalai Lama Comes to Stanford” (“Đức Dalai Lama đến Stanford”), *Stanford Review*, 10 tháng 12 năm 2005, Vol. XXXV, Số 5, lấy từ http://www.stanfordreview.org/Archive/Volume_XXXV/Issue_5/News/news2.shtml.